

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN TIẾNG ANH Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phạm Thị Vân⁺,
Vương Hồng Hạnh

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
+Tác giả liên hệ • Email: van.pt@vnies.edu.vn

Article history

Received: 25/7/2022

Accepted: 29/8/2022

Published: 20/9/2022

Keywords

Teaching English, teacher, competency, developing competencies, secondary schools

ABSTRACT

Competency-based teaching is currently an educational trend to meet the increasingly demanding requirements of human resources quality. With the English subject, this teaching approach has blossomed worldwide in the 70s of the twentieth century. In the context of education reform and international integration, Vietnam has also caught up with this trend. The study explores the teachers' awareness and the methods and organizing forms of teaching English towards developing students' competence at Hanoi secondary schools. The results of the survey data set from 360 English teachers were used in this study. The research results show the level of awareness and use of teaching methods and organization forms as well as their mutual relationship. These findings could support managers and teachers to propose solutions to enhance English teaching and learning effectiveness and outcomes at Hanoi secondary school towards developing students' competence.

1. Mở đầu

Dạy học theo hướng phát triển năng lực HS hiện đang là xu hướng giáo dục nhằm đáp ứng yêu cầu chất lượng nhân lực ngày càng cao của xã hội (Kerka, 2001). Tiếp cận dựa trên năng lực chú trọng đến năng lực mà HS đạt được hơn là những điều mà GV phải dạy và vai trò của GV là tổ chức học tập theo cách tốt nhất để giúp HS đạt được kết quả mong đợi (Roegiers, 2004). Với bộ môn Tiếng Anh, dạy học theo hướng phát triển năng lực bắt đầu được đề xướng ở Anh vào những năm 60 của thế kỉ XX, nở rộ trên toàn thế giới vào những năm 70 của thế kỉ XX và đã thu hút được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu. Theo đó, các tác giả đã chỉ ra tầm quan trọng của dạy và học tiếng Anh dựa trên năng lực và cách thức dạy học tiếng Anh dựa trên năng lực ở các trường phổ thông (Diwakar, 2019), những khó khăn, thách thức khi thực hiện phương pháp dạy học này (Jazadi, 2000), cũng như đề xuất giải pháp phát triển kĩ năng cho HS (Shin, 2006).

Ở Việt Nam, yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện GD-ĐT cũng được nhấn mạnh với mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng năng lực và kĩ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn (Ban Chấp hành Trung ương, 2013). Các nghiên cứu cũng khẳng định việc dạy học truyền thống tập trung vào nội dung kiến thức không còn phù hợp và cần thiết phải đổi mới phương pháp sang dạy học theo định hướng phát triển năng lực cho HS (Nguyễn Mai Khanh, 2019; Phạm Thị Thanh Hải và Nguyễn Thị Sen, 2020) cũng như cần phải chú ý đến việc sử dụng các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, tạo điều kiện tốt nhất cho HS thực hành, vận dụng kiến thức trong những tình huống đa dạng (Nguyễn Thị Lan Phương, 2016; Nguyễn Thanh Hải, 2019). Mục tiêu của môn ngoại ngữ nói chung và môn Tiếng Anh nói riêng là giúp HS hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ (Bộ GD-ĐT, 2018), tuy nhiên các nghiên cứu đã chỉ ra rằng việc dạy học môn Tiếng Anh theo hướng phát triển năng lực còn gặp một số khó khăn như sĩ số lớp học đông hay từ chính năng lực của GV (Le, 2002).

Là trung tâm văn hóa, chính trị, giáo dục của cả nước, TP. Hà Nội đã ban hành Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 23/01/2019 về dạy và học ngoại ngữ nhằm đẩy nhanh tiến độ phổ cập tiếng Anh cho HS phổ thông (Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội, 2019). Dưới đây, sau phần trình bày về một số vấn đề lí luận liên quan đến phương pháp và hình thức tổ chức dạy học môn Tiếng Anh theo hướng phát triển năng lực HS, chúng tôi sẽ trình bày về thực trạng nhận thức và sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học môn Tiếng Anh theo hướng phát triển năng lực HS của một số trường THCS trên địa bàn TP. Hà Nội.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề lý luận

2.1.1. Phương pháp dạy học môn Tiếng Anh theo hướng phát triển năng lực học sinh

Phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực HS trong môn Tiếng Anh không chỉ chú ý tích cực hóa hoạt động trí tuệ của HS mà còn chú ý rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề gắn với những tình huống của cuộc sống, gắn hoạt động trí tuệ với hoạt động thực hành, thực tiễn. GV cần phối hợp các phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng HS và điều kiện học tập ở địa phương để nâng cao hiệu quả dạy học. Bên cạnh những phương pháp dạy học đặc trưng của môn Tiếng Anh, việc phát huy các phương pháp dạy học tích cực cũng góp phần vào đổi mới phương pháp và nâng cao hiệu quả dạy học như thảo luận nhóm, đóng vai, nghiên cứu tình huống, dự án... và các kỹ thuật dạy học tích cực được thực hiện trong các hoạt động dạy học. Cụ thể, GV thường sử dụng các phương pháp dạy học trong môn Tiếng Anh như phương pháp thuyết trình, phương pháp vấn đáp, phương pháp nêu và giải quyết vấn đề, phương pháp dạy học theo nhóm, phương pháp dạy học theo dự án, phương pháp dạy học theo hợp đồng, phương pháp đóng vai, phương pháp trò chơi, phương pháp dạy học theo góc, phương pháp bàn tay nặn bột và phương pháp nghiên cứu các trường hợp điển hình.

2.1.2. Hình thức tổ chức dạy học môn Tiếng Anh theo hướng phát triển năng lực học sinh

Khi thiết kế các hình thức dạy học trong môn Tiếng Anh, GV cần hiểu rõ đặc điểm tâm - sinh lý của HS ở các cấp học khác nhau, coi các em là những chủ thể tích cực tham gia vào quá trình học tập. GV tạo cơ hội cho HS sử dụng ngôn ngữ trong các ngữ cảnh, tình huống có nghĩa, sát với cuộc sống hằng ngày, dành thời gian cho các em tham gia vào các hoạt động giao tiếp thông qua nghe, nói, đọc và viết. GV sử dụng tiếng Anh trong quá trình dạy học trên lớp và tạo cơ hội tối đa để HS sử dụng tiếng Anh trong và ngoài lớp học. Vì vậy, GV có thể tổ chức các hình thức dạy học đa dạng như HS ngồi theo bàn ghế cố định trong lớp, HS ngồi theo nhóm để thảo luận, dạy học theo hình thức phân hóa, dạy học theo hình thức tích hợp, tổ chức câu lạc bộ tiếng Anh, học theo hình thức ngoại khóa, đi thực tế. Các hình thức hoạt động ngoại khóa bộ môn sẽ đem lại hiệu quả cao hơn trong học tập.

2.2. Thực trạng tổ chức dạy học môn Tiếng Anh theo hướng phát triển năng lực học sinh tại một số trường trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Hà Nội

Bài báo sử dụng dữ liệu được trích xuất từ bộ dữ liệu của nghiên cứu “Quản lý dạy học môn Tiếng Anh ở trường THCS TP. Hà Nội theo hướng phát triển năng lực HS trong bối cảnh đổi mới giáo dục”. Dữ liệu được thu thập thông qua khảo sát bằng hỏi với 360 GV dạy tiếng Anh của một số trường THCS thuộc 7 quận/huyện trên địa bàn TP. Hà Nội. Thời gian thực hiện khảo sát là từ tháng 4-5/2020. Các biến nhận thức và mức độ sử dụng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học được đo lường bằng thang đo Likert 5 mức độ, từ mức 1 “Không quan trọng/Không sử dụng” đến mức 5 “Rất quan trọng/Sử dụng rất thường xuyên”. Khoảng ý nghĩa các mức độ được quy ước như sau: 1,0 - 1,80: Không quan trọng/Không sử dụng; 1,81 - 2,60: Ít quan trọng/Ít sử dụng; 2,61 - 3,40: Bình thường; 3,41 - 4,20: Quan trọng/Sử dụng thường xuyên; 4,21 - 5,00: Rất quan trọng/Sử dụng rất thường xuyên.

2.2.1. Thống kê về nhân khẩu học

Về giới tính, đa số (86,7%) GV là nữ. Về khu vực công tác, tỉ lệ GV nội thành và ngoại thành là tương đương, đều chiếm 50,0%. Về trình độ, tỉ lệ GV có trình độ đại học là 73,3% và trên đại học là 26,7%. Về thâm niên công tác, có 56,7% GV có từ 15 năm kinh nghiệm trở lên, 23,3% GV có từ 5 đến dưới 10 năm kinh nghiệm, 14,2% GV dưới 5 năm kinh nghiệm và 5,8% GV có từ 10 đến dưới 15 năm kinh nghiệm.

2.2.2. Nhận thức về dạy học môn Tiếng Anh theo hướng phát triển năng lực học sinh

Nhận thức về dạy học môn Tiếng Anh theo hướng phát triển năng lực HS được đánh giá theo thang đo 5 mức độ, từ mức 1 “không quan trọng” đến mức 5 “rất quan trọng”. Theo số liệu khảo sát, giá trị đánh giá thấp nhất là 4, giá trị đánh giá cao nhất là 5 và giá trị trung bình của nhận thức đạt 4,70, độ lệch chuẩn (ĐLC) = 0,460. Điều này đồng nghĩa GV đều nhận thức được tầm quan trọng của việc dạy học theo hướng phát triển năng lực HS. Kết quả kiểm định ANOVA đánh giá sự khác biệt về nhận thức dạy học tiếng Anh theo hướng phát triển năng lực HS giữa các nhóm GV theo đặc điểm nhân khẩu học (bảng 1) cho thấy, có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về nhận thức giữa các nhóm GV theo giới tính nam và nữ ($F = 5,733$, $df = 1$, $Sig. = 0,019$), theo khu vực nội thành và ngoại thành ($F = 4,915$, $df = 1$, $Sig. = 0,029$) và theo thâm niên công tác ($F = 11,116$, $df = 3$, $Sig. = 0,000$). Theo đó, điểm trung bình (ĐTB) nhận thức của GV nữ thấp hơn GV nam (4,69 so với 5,00), GV nội thành thấp hơn

GV ngoại thành (4,60 so với 4,80), và GV có từ 5 đến dưới 10 năm kinh nghiệm thấp hơn ba nhóm GV còn lại (4,22 so với 4,71; 4,81; và 5,00).

Bảng 1. Kết quả kiểm định ANOVA sự khác biệt về nhận thức theo đặc điểm nhân khẩu học

Nhận thức	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Giới tính	1,089	1	1,089	5,733	0,019
Khu vực công tác	1,000	1	1,000	4,915	0,029
Trình độ	0,083	1	0,083	0,413	0,522
Thâm niên công tác	5,442	3	1,814	11,116	0,000

2.2.3. Phương pháp dạy học môn Tiếng Anh theo hướng phát triển năng lực học sinh

Mức độ sử dụng các phương pháp dạy học được đánh giá theo thang đo 5 mức độ, từ mức 1 “không sử dụng” đến mức 5 “sử dụng rất thường xuyên”. Bảng 2 thống kê mô tả về mức độ sử dụng các phương pháp. Theo kết quả khảo sát, các phương pháp được phân loại thành 4 nhóm: (1) Nhóm các phương pháp được sử dụng rất thường xuyên, gồm phương pháp trò chơi, dạy học theo nhóm và vấn đáp (ĐTB dao động trong khoảng 4,40 - 4,55); (2) Nhóm các phương pháp được sử dụng thường xuyên, gồm phương pháp đóng vai, phương pháp nêu và giải quyết vấn đề, dạy học theo dự án và phương pháp thuyết trình (ĐTB dao động trong khoảng 3,97 - 4,15); (3) Nhóm các phương pháp được sử dụng ở mức bình thường, gồm phương pháp nghiên cứu các trường hợp điển hình (ĐTB 2,87); (4) Nhóm các phương pháp ít được sử dụng, gồm phương pháp bàn tay nặn bột, dạy học theo góc và dạy học theo hợp đồng (ĐTB dao động trong khoảng 1,91 - 2,55).

Bảng 2. Thống kê mô tả thang đo phương pháp dạy học

Phương pháp dạy học	Min	Max	Trung bình	ĐLC
Phương pháp trò chơi	3	5	4,55	0,580
Phương pháp dạy học theo nhóm	4	5	4,45	0,499
Phương pháp vấn đáp	3	5	4,40	0,696
Phương pháp đóng vai	2	5	4,15	0,805
Phương pháp nêu và giải quyết vấn đề	2	5	4,03	0,977
Phương pháp dạy học theo dự án	2	5	3,99	0,928
Phương pháp thuyết trình	2	5	3,97	0,932
Phương pháp nghiên cứu các trường hợp điển hình	1	4	2,87	0,974
Phương pháp bàn tay nặn bột	1	5	2,55	1,189
Phương pháp dạy học theo góc	1	4	1,96	0,898
Phương pháp dạy học theo hợp đồng	1	5	1,91	1,051

Bảng 3 thống kê mô tả về sử dụng phương pháp dạy học giữa các nhóm GV theo đặc điểm nhân khẩu học. Chênh lệch ĐTB về sử dụng phương pháp dạy học giữa các nhóm GV theo giới tính là 0,25, theo khu vực công tác là 0,03, theo trình độ là 0,1 và theo thâm niên công tác trong khoảng 0,02 - 0,31.

Bảng 3. Thống kê mô tả về sử dụng phương pháp dạy học theo đặc điểm nhân khẩu học

Đặc điểm nhân khẩu học	Trung bình	ĐLC
Giới tính	Nữ	3,58
	Nam	3,33
Khu vực công tác	Nội thành	3,54
	Ngoại thành	3,57
Trình độ	Trên đại học	3,63
	Đại học	3,53
Thâm niên công tác	Dưới 5 năm	3,79
	Từ 5 đến dưới 10 năm	3,54
	Từ 10 đến dưới 15 năm	3,48
	Từ 15 năm trở lên	3,50

Tuy nhiên, kết quả kiểm định ANOVA đánh giá sự khác biệt về sử dụng các phương pháp dạy học giữa các nhóm GV theo đặc điểm nhân khẩu học (bảng 4) cho thấy, chỉ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về sử dụng phương pháp dạy học giữa các nhóm GV theo đặc điểm giới tính ($df = 1$, $F = 4,549$, $Sig. = 0,035$), trong đó ĐTB sử dụng phương pháp dạy học của GV nữ cao hơn GV nam (3,58 so với 3,33).

Bảng 4. Kết quả kiểm định ANOVA sự khác biệt về mức độ sử dụng phương pháp dạy học theo đặc điểm nhân khẩu học

Phương pháp dạy học	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Giới tính	0,698	1	0,698	4,549	0,035
Khu vực công tác	0,032	1	0,032	0,200	0,656
Trình độ	0,217	1	0,217	1,378	0,243
Thâm niên công tác	1,116	3	0,372	2,442	0,068

2.2.4. Hình thức tổ chức dạy học môn Tiếng Anh theo hướng phát triển năng lực học sinh

Mức độ sử dụng các hình thức tổ chức dạy học được đánh giá theo thang đo 5 mức độ, từ mức 1 “không sử dụng” đến mức 5 “sử dụng rất thường xuyên”. Kết quả nghiên cứu (bảng 5) cho thấy: (1) Nhóm các hình thức tổ chức dạy học được sử dụng thường xuyên gồm dạy học theo hình thức tích hợp (ĐTB = 3,92, ĐLC = 0,589) và HS ngồi theo bàn ghế cố định trong lớp (ĐTB = 3,51, ĐLC = 1,183); (2) Nhóm các hình thức tổ chức dạy học được sử dụng ở mức trung bình gồm dạy học theo hình thức phân hóa (ĐTB = 3,26, ĐLC = 0,888) và tổ chức câu lạc bộ tiếng Anh (ĐTB = 2,90, ĐLC = 1,194); (3) Nhóm các hình thức tổ chức dạy học ít được sử dụng là học theo hình thức ngoại khóa, đi thực tế (ĐTB = 2,07, ĐLC = 1,023).

Bảng 5. Thống kê mô tả thang đo hình thức tổ chức dạy học

Hình thức dạy học	Min	Max	Trung bình	ĐLC
Dạy học theo hình thức tích hợp	3	5	3,92	0,589
HS ngồi theo bàn ghế cố định trong lớp	2	5	3,51	1,183
Dạy học theo hình thức phân hóa	1	5	3,26	0,888
Tổ chức câu lạc bộ tiếng Anh	1	5	2,90	1,194
Học theo hình thức ngoại khóa, đi thực tế	1	5	2,07	1,023

Bảng 6 thống kê mô tả về sử dụng hình thức tổ chức dạy học giữa các nhóm GV theo đặc điểm nhân khẩu học. Chênh lệch ĐTB về sử dụng hình thức tổ chức dạy học giữa các nhóm GV theo giới tính là 0,44, theo khu vực công tác là 0,51, theo trình độ là 0,18, và theo thâm niên công tác trong khoảng 0,12 - 0,69.

Bảng 6. Thống kê mô tả về sử dụng hình thức tổ chức dạy học theo đặc điểm nhân khẩu học

Đặc điểm nhân khẩu học	Trung bình	ĐLC
Giới tính	Nữ	3,19
	Nam	2,75
Khu vực công tác	Nội thành	3,40
	Ngoại thành	2,89
Trình độ	Trên đại học	3,26
	Đại học	3,08
Thâm niên công tác	Dưới 5 năm	3,43
	Từ 5 đến dưới 10 năm	3,19
	Từ 10 đến dưới 15 năm	2,74
	Từ 15 năm trở lên	3,07

Kết quả kiểm định ANOVA đánh giá sự khác biệt về mức độ sử dụng các hình thức tổ chức dạy học giữa các nhóm GV theo đặc điểm nhân khẩu học (bảng 7) cho thấy, có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về sử dụng hình thức tổ chức dạy học giữa các nhóm GV theo đặc điểm giới tính nam và nữ ($F = 9,036$, $df = 1$, $Sig. = 0,003$), theo khu vực nội thành và ngoại thành ($F = 33,887$, $df = 1$, $Sig. = 0,000$), và theo thâm niên công tác ($F = 3,826$, $df = 3$, $Sig. = 0,013$). Trong đó, ĐTB sử dụng các hình thức dạy học của GV nam thấp hơn GV nữ (2,75 so với 3,19), GV ngoại thành thấp hơn GV nội thành (2,89 so với 3,40), GV từ 10 đến 15 năm kinh nghiệm thấp hơn GV dưới 5 năm kinh nghiệm và từ 5 đến 10 năm kinh nghiệm (2,74 so với 3,43 và 3,19), và GV trên 15 năm kinh nghiệm thấp hơn GV dưới 5 năm kinh nghiệm (3,07 so với 3,43).

Bảng 7. Kết quả kiểm định ANOVA sự khác biệt về mức độ sử dụng các hình thức tổ chức dạy học theo đặc điểm nhân khẩu học

Hình thức tổ chức dạy học	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Giới tính	1,921	1	1,921	9,036	0,003
Khu vực công tác	5,827	1	5,827	33,887	0,000

Trình độ	0,672	1	0,672	2,959	0,089
Thâm niên công tác	2,458	3	0,819	3,826	0,013

2.2.5. Mối tương quan giữa nhận thức và sử dụng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Kết quả phân tích tương quan giữa biến nhận thức và sử dụng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học chỉ ra mối tương quan yếu giữa nhận thức với sử dụng phương pháp dạy học (Sig. (2-tailed) = 0,05; 0,01 level) và không có tương quan giữa nhận thức với sử dụng hình thức tổ chức dạy học (Sig. (2-tailed) = 0,290). Dữ liệu cũng cho thấy mối tương quan thuận, chặt giữa phương pháp và hình thức tổ chức dạy học ($r = 0,598$; Sig. (2-tailed) = 0,05; 0,01 level).

3. Kết luận

Nghiên cứu đã tập trung làm rõ mức độ nhận thức và sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học cũng như mối tương quan giữa nhận thức và sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học tiếng Anh cấp THCS trên địa bàn TP. Hà Nội theo hướng phát triển năng lực HS. Có thể thấy, cả nhận thức và sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học đều bị ảnh hưởng bởi các yếu tố nhân khẩu học. Nếu việc sử dụng các phương pháp dạy học chỉ bị ảnh hưởng bởi yếu tố giới tính thì nhận thức và việc sử dụng các hình thức tổ chức dạy học lại bị tác động bởi cả giới tính, khu vực công tác và thâm niên công tác. Mặc dù GV nhận thức được tầm quan trọng của hình thức dạy học này nhưng kết quả nghiên cứu không cho thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa nhận thức và sử dụng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. Điều này có thể giải thích rằng, mặc dù nhận thức được tầm quan trọng nhưng do nhiều yếu tố tác động như điều kiện cơ sở vật chất, sĩ số lớp học, hay chính năng lực của GV... nên GV khó có thể thực hiện theo các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học để tăng cường phát triển năng lực HS. Những phát hiện của nghiên cứu có thể hỗ trợ các nhà quản lý và GV tìm ra các giải pháp để nâng cao hơn nữa chất lượng dạy và học môn Tiếng Anh cấp THCS theo hướng phát triển năng lực HS.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng bộ GD-ĐT).
- Diwakar, P. (2019). A Study of Competency Based Value Oriented Teaching-Learning in English Language. *Online International Interdisciplinary Research Journal*, 9(1), 357-363.
- Jazadi, I. (2000). Constraints and resources for applying communicative approaches in Indonesia. *EA Journal*, 18(1), 31-40.
- Kerka, S. (2001). *Competency-based education and training*. ERIC Publications.
- Le, P. K. (2002). Problems, solutions, and advantages of large classes. *Teacher's Edition*, 9, 9-11.
- Le, V. C. (2002). Sustainable professional development of EFL teachers in Vietnam. *Teacher's Edition*, 10, 32-37.
- Nguyễn Mai Khanh (2019). Quản lý hoạt động dạy học môn Tiếng Anh theo tiếp cận phát triển năng lực học sinh trung học cơ sở. *Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 5*, 68-72.
- Nguyễn Thanh Hải (2019). Biện pháp quản lý dạy học môn Tiếng Anh theo tiếp cận năng lực học sinh ở các trường trung học. *Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 4*, 65-68.
- Nguyễn Thị Lan Phương (2016). *Chương trình tiếp cận năng lực và đánh giá năng lực người học*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Phạm Thị Thanh Hải, Nguyễn Thị Sen (2020). Một số biện pháp quản lý hoạt động tổ chức môi trường thực hành tiếng Anh tại các trường trung học phổ thông công lập quận Cầu Giấy, Hà Nội theo tiếp cận phát triển năng lực người học. *Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 12*, 42-47.
- Roegiers, X. (2004). *L'école et l'évaluation: Des situations pour évaluer les compétences des élèves*. Edition De Boeck, France.
- Shin, J. K. (2006). *Ten helpful ideas for teaching English to young learners*. UMBC Student Collection.
- Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội (2019). *Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 23/01/2019 về dạy và học ngoại ngữ trong các trường phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2025*.